

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày 28-3-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Siêng
2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1965, địa chỉ: **Thôn T, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Có mặt)

2. **Bị đơn:**

- Ông **Trương Anh D**, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: **Xóm C, thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú: **Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Đường N, xã L, huyện C, tỉnh Long An**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **T** trình bày: Vợ chồng ông **D** bà **N** là đại lý phân phối thức ăn gia súc, bà **T** mua thức ăn cho gia súc tại đại lý của ông **D** bà **N** để bán lại cho người chăn nuôi. Trong quá trình mua bán, ông **D** bà **N** có mượn của bà nhiều lần với tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2023 là 720.000.000 đồng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng sau đó ông **D** bà **N** bỏ

trốn không trả tiền. Nay bà **T** yêu cầu vợ chồng ông **D** bà **N** trả số tiền 720.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

- Theo lời khai tại cơ quan công an, bị đơn ông **D** trình bày: Trong thời gian phân phối cám cho bà **T**, từ đầu năm 2019 đến tháng 9/2021, vợ chồng ông nhiều lần mượn tiền của bà **T** để chuyển tiền cho công ty. Số tiền mượn từ 20.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất hàng tháng là 3%, lãi hàng tháng trừ vào tiền lấy cám. Đến ngày 30/9/2021, ông tính toán số tiền mượn bà **T** là 720.000.000 đồng. Thời gian làm đại lý cấp 1 phân phối cám, ông không có nhiều vốn nên vay tiền ngân hàng, vay tiền nhiều người để trả cho công ty. Đến khoảng năm 2020, 2022 do dịch bệnh dẫn đến gia súc, gia cầm chết, các nhà chuồng và đại lý cấp 2 không có tiền trả hoặc trả chậm dẫn đến ông thu hồi vốn chậm, không có tiền trả lãi ngân hàng và cho những người ông đã vay. Do những người cho vay thường xuyên đến nhà đòi nợ, ông không thể đầu tư làm ăn được nên ngày 30/8/2022 vợ chồng ông đã vào Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, có tiền trả nợ dần.

- Bị đơn bà **N** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà **T**, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện đã thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà **T**, buộc ông **D** bà **N** liên đới trả cho bà **T** số tiền 720.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của bà **T** không yêu cầu trả lãi. Ông **D** bà **N** phải chịu án phí có giá ngạch theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Qua xác minh tại Công an phường B, thị xã H, Công an xã A, huyện H và tại khu phố T, phường B thì: Bà **N** có hộ khẩu thường trú tại Tổ A, khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định, ông **D** có hộ khẩu thường trú tại xã A,

huyện H, tỉnh Bình Định, ông D bà N trước đây có nhà và thường xuyên sinh sống tại Tổ A, khu phố T, phường B nhưng đã đi nơi khác, không rõ đi đâu và khi nào trở về. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng theo địa chỉ ông D cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H tuy nhiên có lúc có người ký nhận (không xác định có đúng ông D ký nhận hay không) có lúc bưu điện H. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để vợ chồng ông D bà N biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, trong thời gian giải quyết vụ án, vợ chồng ông D bà N không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của vợ chồng ông D bà N liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T được. Vợ chồng ông D bà N không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 30/9/2023 do ông D ký tên và lời khai của ông D tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H xác định vợ chồng ông D bà N có vay của bà T số tiền là 720.000.000 đồng là đúng sự thật. Ông D cho rằng việc vay tiền có lãi suất 3%/tháng nhưng không được bà T thừa nhận và ông cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xác định lãi suất như ông trình bày là đúng. Bà T cho rằng việc vay tiền không có lãi nhưng bà cũng thừa nhận ông D tự trả lãi và trừ vào tiền mua bán cám nên bà không xác định được tiền lãi và lãi suất là bao nhiêu. Như vậy, việc vay tiền giữa vợ chồng ông D bà N và bà T là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi. Vợ chồng ông D bà N vay tiền thì phải có nghĩa vụ trả nợ nhưng không trả là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Bà T yêu cầu vợ chồng ông D bà N trả tiền là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận. Vì vậy, buộc vợ chồng ông D bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 720.000.000 đồng. Các bên không thống nhất, xác định được lãi suất và cũng không có yêu cầu gì về lãi nên không xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.800.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng).

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Võ Thị T.** Buộc vợ chồng ông **Trương Anh D** bà **Nguyễn Thị N** phải liên đới trả cho bà **Võ Thị T** số tiền 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Vợ chồng ông **Trương Anh D** bà **Nguyễn Thị N** phải chịu 32.800.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà **Võ Thị T** số tiền 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000262 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng